

Trưởng nhóm phân tích
Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

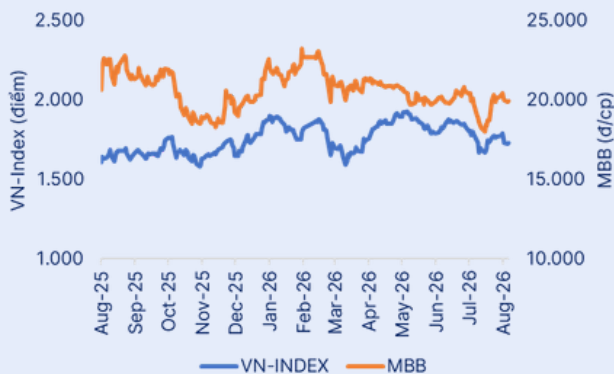
Khuyến nghị: **TĂNG TỶ TRỌNG**

Giá hiện tại (VND):	19.950
Giá mục tiêu (VND):	26.000
% tăng/giảm giá:	30%

Thông số cơ bản:

Giá 52T cao/thấp (VND)	18.034-23.227
KLTB (10N) (Tr.CP)	12.959.360
Vốn hóa (Tỷ.đ)	200.872
SLCPLH (Tr.cp)	10.069
Giới hạn sở hữu NN	23,2%
Tỷ lệ sở hữu NN	22,2%
CP thả nổi	50,0%
Cổ đông lớn	Viettel (14,7%)

Diễn biến giá cổ phiếu



Nguồn: SHS Research, FiinProX

Chỉ tiêu (Tỷ.đ)	2024	2025	2026F
Tổng TS	1.128.801	1.615.764	2.008.498
Cho vay KH	765.048	1.070.869	1.391.751
Tiền gửi KH	714.154	921.368	1.099.196
LNTT	28.829	34.268	39.957
BVPS (VNĐ)	21.135	16.901	16.675
EPS (VNĐ)	4.265	3.325	3.105
ROAE (%)	21,18%	20,67%	19,80%
ROAA (%)	2,18%	1,95%	1,73%
NIM (%)	4,08%	3,87%	3,90%
CIR (%)	30,69%	29,07%	29,07%
NPL (%)	1,62%	1,29%	1,45%

LỢI NHUẬN TĂNG TRƯỞNG TÍCH CỰC NHỜ TÍN DỤNG MỞ RỘNG VÀ BIÊN LÃI RÒNG PHỤC HỒI

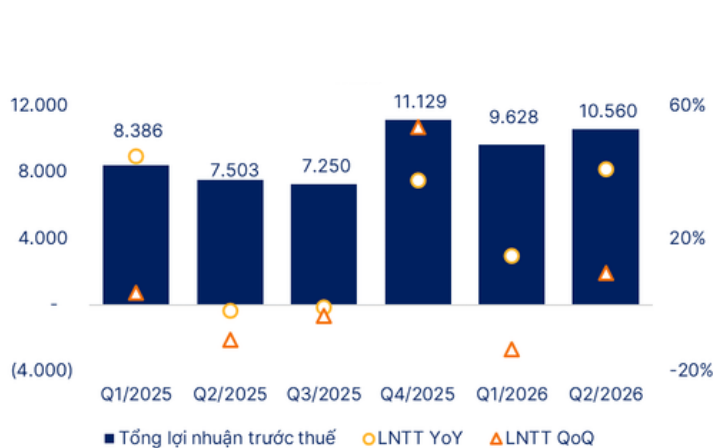
Chúng tôi duy trì giá mục tiêu cổ phiếu MBB là 26.000 đồng/cổ phiếu, cao hơn 30% so với giá đóng cửa ngày 19/08/2026.

- **MBB ghi nhận LNTT Q2.2026 đạt 10.560 tỷ đồng, tăng mạnh 40,7% YoY từ mức nền cùng kỳ thấp năm 2025.** 6T2026, MBB đạt 20.188 tỷ đồng LNTT, tăng 27% so với cùng kỳ và hoàn thành 51% kế hoạch năm.
- **Động lực tăng trưởng đến từ thu nhập lãi thuần** khi dư nợ cho vay mở rộng và biên lãi ròng phục hồi, bù đắp cho xu hướng giảm của thu nhập ngoài lãi. Chi phí hoạt động được kiểm soát và chi phí tín dụng giảm so với cùng kỳ cũng là yếu tố hỗ trợ kết quả lợi nhuận.
- **NIM phục hồi nhờ cấu trúc tài sản được tối ưu hóa** khi tỷ lệ LDR tăng và dòng tín dụng dịch chuyển sang lĩnh vực BĐS với kỳ hạn trung dài hạn. Chúng tôi đánh giá NIM của MBB duy trì quanh mức 4% trong nửa cuối năm 2026.
- **Tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ lên 1,45%**, tập trung tại phân khúc bán lẻ do chịu ảnh hưởng của lãi suất tăng và thị trường bất động sản kém sôi động. Chi phí tín dụng tăng lên 1,45% trong Q2.2026 trước bối cảnh nợ xấu tăng, giúp tỷ lệ bao phủ nợ xấu cải thiện lên 94%. Với diễn biến tỷ lệ nợ xấu tiếp tục tăng nhẹ và định hướng kiểm soát tỷ lệ bao phủ nợ xấu quanh mức 100%, chi phí tín dụng của MBB dự kiến sẽ tăng trong nửa cuối năm.
- **Triển vọng KQKD của MBB trong nửa cuối năm 2026 được đánh giá khả quan** nhờ dư địa tăng trưởng tín dụng ở mức cao và biên lãi ròng có xu hướng phục hồi. MBB dự kiến tiếp tục ghi nhận lợi nhuận Q3.2026 tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ từ mức nền so sánh thấp năm 2025.
- **Chúng tôi dự báo MBB ghi nhận 39.957 tỷ đồng LNTT (+16,6% YoY) trong năm 2026.** 6T2026, MBB ghi nhận 20.188 tỷ đồng LNTT, hoàn thành 51% lợi nhuận dự báo cả năm của chúng tôi.
- Tại mức giá đóng cửa ngày 19/08/2026, MBB được giao dịch ở mức P/B 1,35x, tương đương trung bình giai đoạn 2015-2026. P/B của MBB thấp hơn mức trung bình toàn ngành Ngân hàng (1,4x), dù hiệu quả sử dụng vốn thuộc nhóm dẫn đầu ngành.

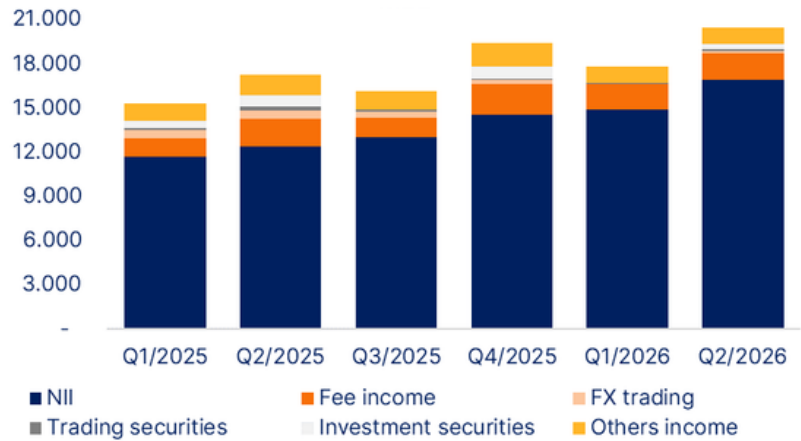
KẾT QUẢ KINH DOANH 6T2026

MBB ghi nhận LNTT Q2.2026 đạt 10.560 tỷ đồng, tăng mạnh 40,7% từ mức nền cùng kỳ thấp năm 2025 và tăng 9,7% so với Q1.2026. Động lực tăng trưởng đến từ thu nhập lãi thuần tăng 36,5% khi dư nợ cho vay mở rộng 13% kể từ đầu năm và biên lãi ròng phục hồi, bù đắp cho xu hướng giảm của thu nhập ngoài lãi. Tỷ lệ chi phí hoạt động được kiểm soát và chi phí tín dụng giảm so với cùng kỳ cũng là yếu tố hỗ trợ kết quả lợi nhuận. 6T2026, MBB đạt 20.188 tỷ đồng LNTT, tăng 27% so với cùng kỳ và hoàn thành 51% kế hoạch năm.

LNTT Q2.2026 tăng 40,7% YoY

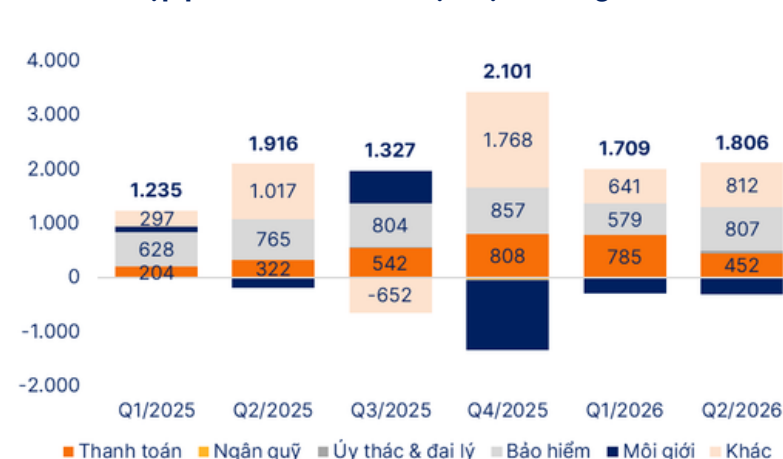


Tổng thu nhập hoạt động của MBB



Tiếp tục xu hướng giảm từ Q1.2026, thu nhập ngoài lãi Q2.26 giảm 27% so với cùng kỳ, với diễn biến thu hẹp cả ở tất cả các cấu phần. Tuy nhiên so với quý trước, thu nhập ngoài lãi đang ghi nhận sự phục hồi. Thu nhập ngoài lãi Q2.26 tăng trưởng 40% so với quý trước, với thu nhập phí thuần tăng 5,7% QoQ, thu nhập từ vàng, ngoại hối và chứng khoán ghi nhận dương trở lại từ mức âm trong Q1.

Thu nhập phí thuần Q2.26 chậm lại ở mảng thanh toán



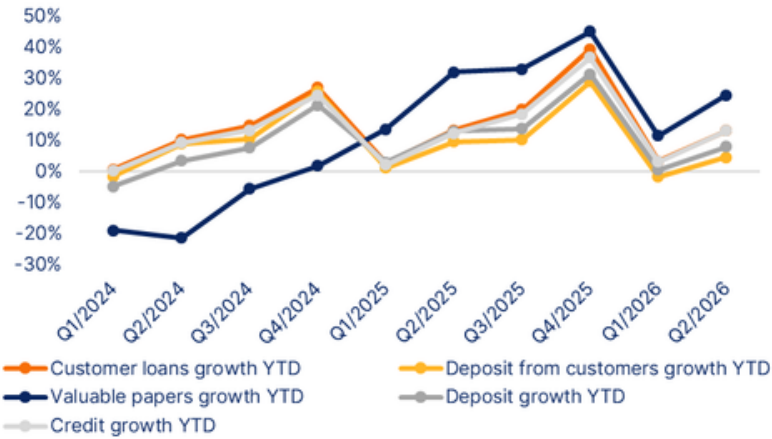
Thu nhập phí thuần tăng trưởng so với quý trước nhờ sự phục hồi ở mảng bảo hiểm và dịch vụ khác. Thu nhập thuần từ thanh toán giảm trong Q2 khi xét theo chu kỳ, hoạt động thanh toán thường được đẩy mạnh vào quý cuối và đầu năm. So với cùng kỳ, thu nhập từ thanh toán và ngân quỹ của MBB trong 6T2026 đã tăng mạnh 53% nhờ quy mô khách hàng tiếp tục mở rộng.

Nhìn chung lợi nhuận Q2 của MBB được hỗ trợ từ hoạt động kinh doanh cốt lõi phục hồi. Triển vọng KQKD của MBB trong nửa cuối năm 2026 được đánh giá khả quan nhờ dư địa tăng trưởng tín dụng ở mức cao và biên lãi ròng có xu hướng phục hồi. MBB dự kiến tiếp tục ghi nhận lợi nhuận Q3.2026 tăng tích cực so với cùng kỳ từ mức nền so sánh thấp năm 2025.

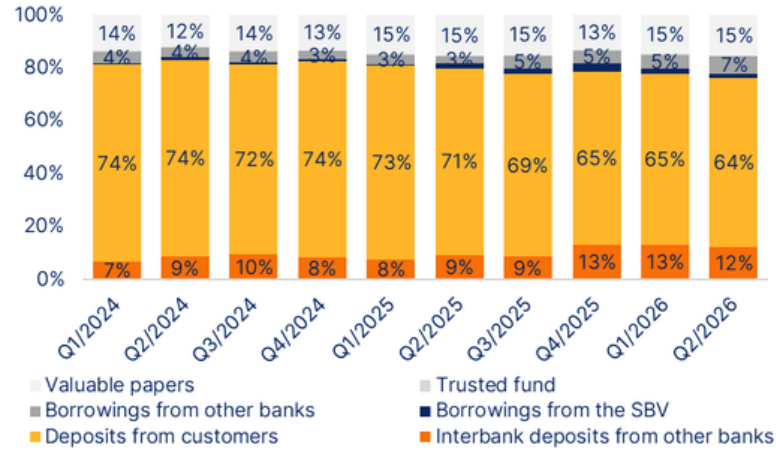
Nguồn vốn và bảng cân đối

Tại thời điểm cuối Q2.2026, tổng tài sản của MBB đạt hơn 1,73 triệu tỷ đồng, tăng 7,3% so với đầu năm. Trong đó, cho vay khách hàng đạt 1,27 triệu tỷ đồng, tăng 13,2% YTD, tương đương 143,5 nghìn tỷ đồng, khoản mục tiền gửi tại NHNN và tiền gửi tại thị trường 2 thu hẹp. Dư địa cho vay của MBB còn khá lớn với hạn mức tăng trưởng tín dụng trong năm 2026 là 35%. Ngân hàng đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng khoảng 30-35% cho cả năm 2026, tương đương hạn mức NHNN cho phép.

Tăng trưởng tín dụng và huy động của MBB



Nguồn vốn phụ thuộc hơn vào giấy tờ có giá



Nguồn huy động phụ thuộc nhiều hơn vào giấy tờ có giá. Tiền gửi khách hàng đến cuối Q2.2026 đạt 963.815 tỷ đồng, tăng 4,6% so với đầu năm. MBB chủ động đa dạng hóa nguồn vốn thông qua phát hành giấy tờ có giá (+25% YTD), vay tổ chức tín dụng khác (+54% YTD). Huy động khách hàng gồm Giấy tờ có giá tăng 8% so với cuối năm 2025.

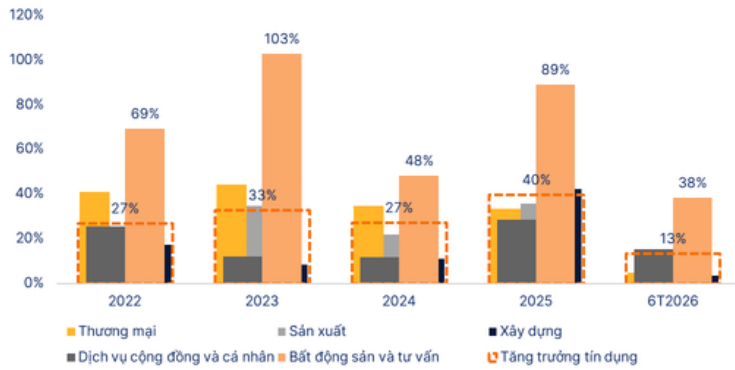
MBB định hướng điều hành hệ số CAR trong khoảng 10% - 10,5% trong giai đoạn 2026-2028, giảm so với mức trên 11% trong quá khứ nhằm tăng hiệu quả sử dụng nguồn vốn. Hệ số CAR (TT 41) riêng lẻ đạt mức 10,7% phù hợp với chiến lược của ngân hàng trong việc cân bằng giữa khả năng sinh lời và rủi ro.

Tỷ lệ cho vay/huy động (LDR) tại thời điểm cuối Q2.2026 tính toán theo BCTC đạt 82,8%, tiếp tục tăng so với mức 81,2% thời điểm cuối Q1.2026. Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn tại thời điểm cuối Q2 là 27,5%, giảm so với mức 29% thời điểm cuối Q1.2026 nhờ MBB chủ động tăng khoản vay trên thị trường quốc tế.

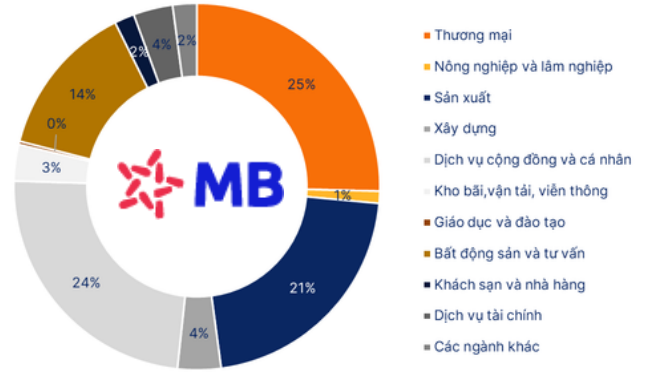
MBB dự kiến tiếp tục phát hành trái phiếu quốc tế trong 6 tháng cuối năm để bổ sung nguồn vốn trung và dài hạn với chi phí cạnh tranh hơn.

Mảng BĐS dẫn dắt dòng tín dụng

Tín dụng BĐS dẫn dắt tăng trưởng tín dụng từ năm 2022

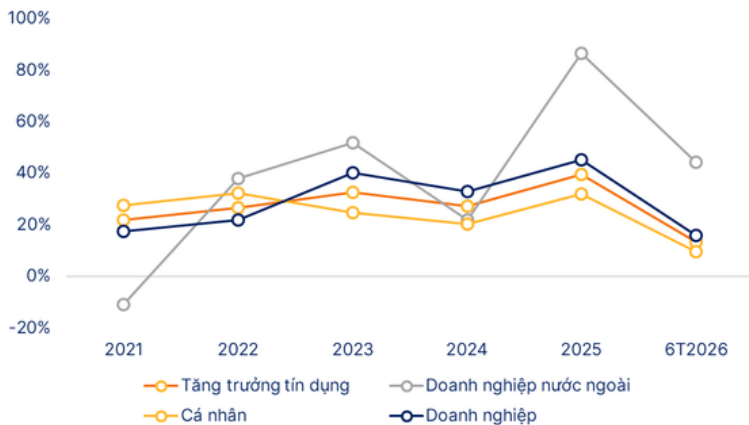


Sản xuất, thương mại, dịch vụ cộng đồng chiếm 70% dư nợ

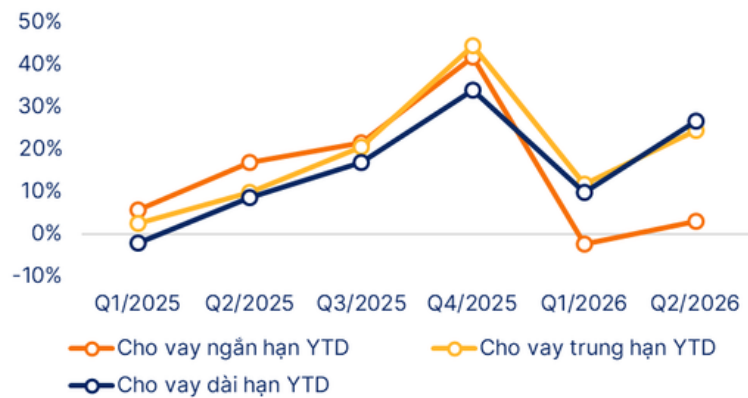


MBB đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng BĐS từ năm 2022, cùng với xu hướng mở rộng tín dụng BĐS của toàn ngành Ngân hàng. 6T2026, tín dụng BĐS tại MBB tăng 38% kể từ đầu năm, chiếm 32% tổng dư nợ tăng thêm trong kỳ, khi với lợi thế nhận chuyển giao ngân hàng yếu kém, MBB không thuộc nhóm Ngân hàng bị giới hạn tốc độ tăng trưởng tối đa đối với tín dụng lĩnh vực BĐS. Tỷ trọng dư nợ lĩnh vực kinh doanh BĐS của MBB thời điểm cuối Q2.2026 chiếm 14% tổng dư nợ và MBB cho biết Ngân hàng kiểm soát tỷ trọng tín dụng BĐS tối đa là 15%. Danh mục cho vay tập trung vào các dự án nhà ở tại trung tâm kinh tế, đã hoàn thiện pháp lý và đang ở giai đoạn cuối của chu kỳ phát triển. Theo MBB, lĩnh vực này hiện chưa phát sinh nợ xấu.

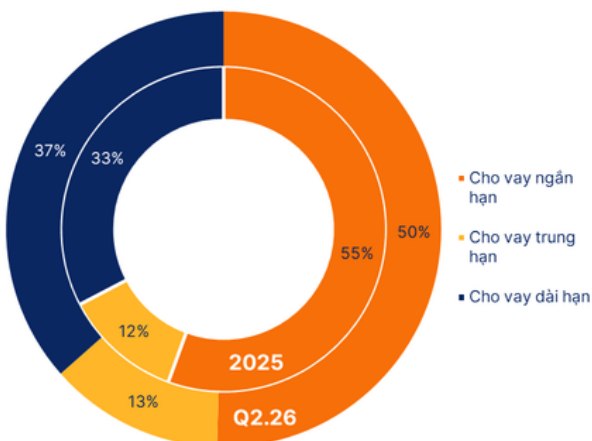
Tín dụng doanh nghiệp tiếp tục là động lực tăng trưởng



Tín dụng tập trung vào kỳ hạn dài



Tỷ trọng cho vay trung dài hạn tăng lên 50% cuối Q2.26



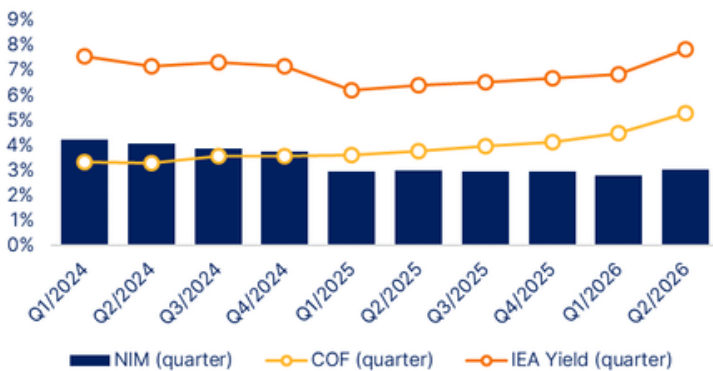
Xét về đối tượng, tín dụng doanh nghiệp tiếp tục dẫn dắt dòng tín dụng từ năm 2023, bù đắp cho tốc độ tăng trưởng chậm lại của tín dụng bán lẻ. 6T2026, tăng trưởng tín dụng doanh nghiệp đạt 16% YTD, cao hơn tốc độ tăng 9% của khách hàng cá nhân. Cho vay trung dài hạn cũng được đẩy mạnh trong 6T2026, nâng tỷ lệ cho vay trung dài hạn lên 50% tổng cho vay khách hàng, từ mức 45% cuối năm 2025.

NIM cải thiện trong Q2.2026

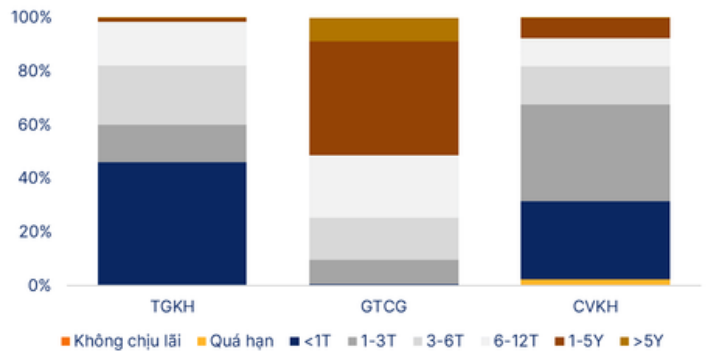
MBB ghi nhận NIM phục hồi mạnh 35 điểm cơ bản trong Q2.2026, lên 4,16% nhờ lợi suất tài sản có sinh lời tăng cao hơn tốc độ tăng của chi phí vốn. Cấu trúc tài sản tiếp tục được tối ưu hóa nhờ tỷ lệ LDR tăng, dòng tín dụng dịch chuyển sang lĩnh vực BĐS với kỳ hạn trung dài hạn là yếu tố hỗ trợ NIM trong kỳ.

Tại thời điểm cuối Q2.2026, 67% khoản cho vay của MBB có thời gian điều chỉnh lãi suất trong vòng 3 tháng so với mức 60% của khoản huy động và 10% của khoản giấy tờ có giá. Lãi suất cho vay được điều chỉnh tăng giúp bù đắp chi phí vốn dự kiến tiếp tục tăng khi lãi suất huy động đến kỳ điều chỉnh. Chúng tôi đánh giá NIM của MBB duy trì quanh mức 4% trong nửa cuối năm 2026.

NIM cải thiện trong Q2

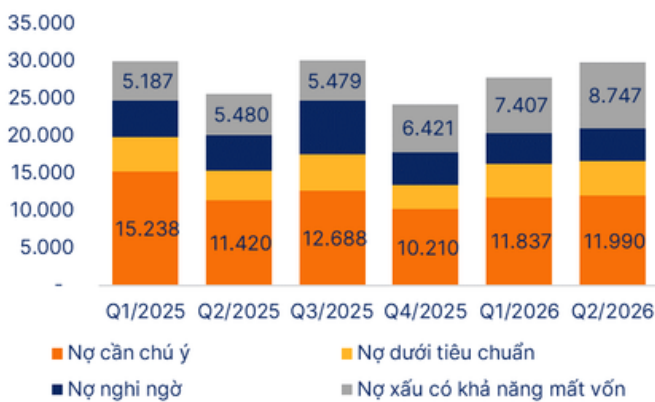


Thời gian điều chỉnh lãi suất của khoản cho vay và huy động

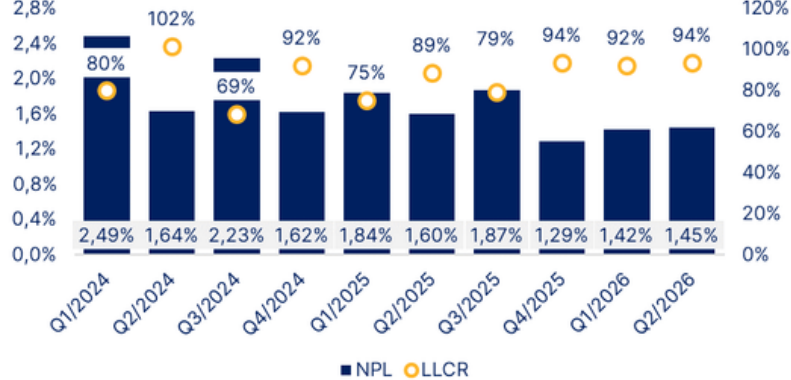


Tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ, tập trung ở phân khúc bán lẻ

Quy mô nợ quá hạn theo quý của MBB



Tỷ lệ nợ xấu và tỷ lệ bao phủ nợ xấu



Tỷ lệ nợ xấu của MBB tiếp tục tăng lên 1,45% từ mức 1,42% thời điểm cuối Q1.2026. Tỷ lệ hình thành nợ xấu theo quý là 0,37%, không có nhiều biến động so với Q1.2026 và cùng kỳ năm 2025. Nợ xấu tăng tập trung tại nợ nhóm 5 (+18% QoQ), nợ nhóm 2 biến động không đáng kể so với quý trước. Theo chia sẻ từ MBB, nợ xấu tăng tập trung tại phân khúc bán lẻ do chịu ảnh hưởng của lãi suất tăng và thị trường bất động sản kém sôi động. MBB đặt mục tiêu kiểm soát tỷ lệ nợ xấu đối với riêng Ngân hàng trong khoảng 1-1,2% và tỷ lệ nợ xấu hợp nhất dưới 1,5%, tương đương mức hiện tại.

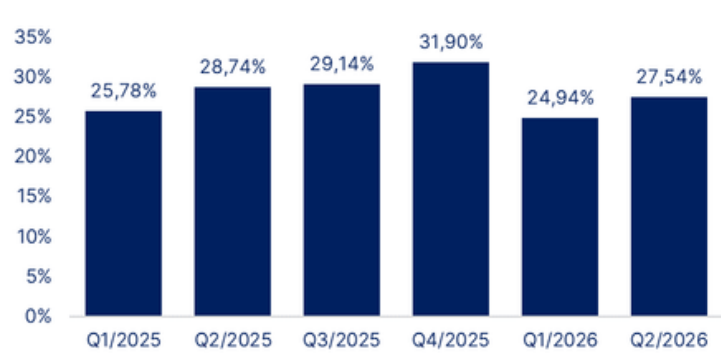
Chi phí tín dụng và tỷ lệ hình thành nợ xấu



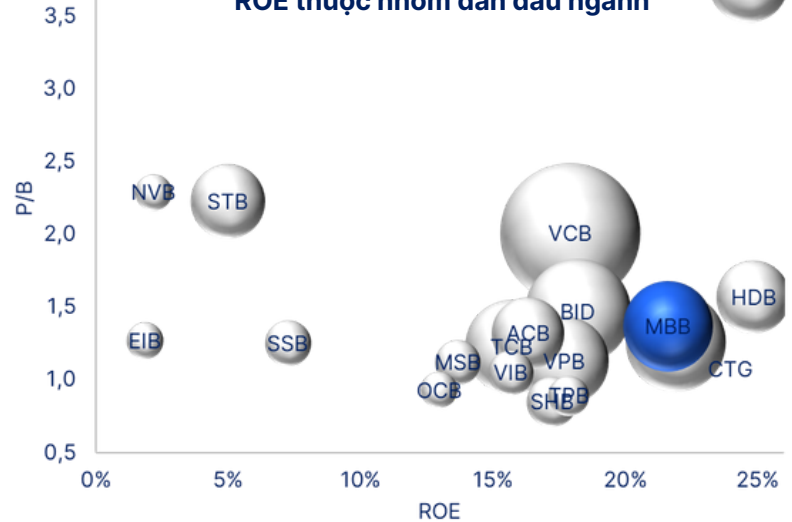
Sau diễn biến tăng mạnh trích lập dự phòng trong Q2-Q3.2025, MBB đã giảm chi phí tín dụng từ Q4.2025, hỗ trợ kết quả lợi nhuận. Chi phí tín dụng của MBB tăng lên 1,45% trong Q2.2026 trước bối cảnh nợ xấu tăng, giúp tỷ lệ bao phủ nợ xấu của MBB cải thiện lên 94%. Với diễn biến tỷ lệ nợ xấu tiếp tục tăng nhẹ và định hướng kiểm soát tỷ lệ bao phủ nợ xấu quanh mức 100%, chi phí tín dụng của MBB dự kiến sẽ tăng trong nửa cuối năm.

Chi phí hoạt động được kiểm soát hỗ trợ kết quả lợi nhuận

Tỷ lệ chi phí trên thu nhập



ROE thuộc nhóm dẫn đầu ngành



Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) của MBB được kiểm soát ở mức 27,5% trong Q2.2026, thấp hơn so với cùng kỳ và ở mức thấp so với trung bình ngành.

ROE trượt 4 quý tính đến Q2.2026 của MBB đạt 21,14%, thuộc nhóm dẫn đầu ngành Ngân hàng. MBB đặt mục tiêu ROE duy trì trên 20% trong tối thiểu 3 năm tới.

Định hướng chung của MBB trong năm 2026

- Tăng trưởng tín dụng: theo hạn mức NHNN cấp, kỳ vọng đạt khoảng 30-35%.
- Nợ xấu hợp nhất kiểm soát dưới 1,5% và LLCR quanh mức 100%.
- Kế hoạch LNTT 39.500 tỷ đồng, tăng 15% so với năm trước. Trong trường hợp khả quan có thể đạt 40.000 tỷ đồng.

Đánh giá của SHS

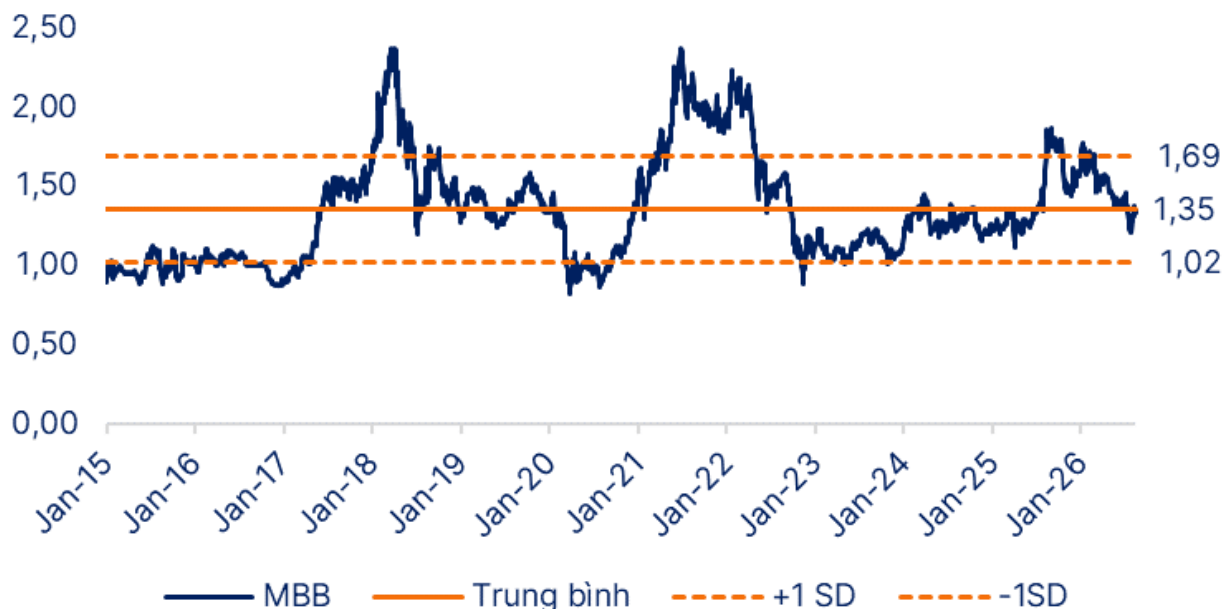
Chúng tôi dự báo MBB ghi nhận 39.957 tỷ đồng LNTT (+16,6% YoY) trong năm 2026 trên cơ sở tăng trưởng tín dụng 30%, NIM 3,9%, tỷ lệ nợ xấu kiểm soát ở mức 1,45%, chi phí tín dụng 1,53% và tỷ lệ chi phí trên thu nhập tương đương năm 2025. Chúng tôi cho rằng MBB sẽ tăng chi phí tín dụng trong 6 tháng cuối năm nhằm tăng bộ đệm trích lập dự phòng trong bối cảnh áp lực nợ xấu tăng do lãi suất cao. 6T2026, MBB ghi nhận 20.188 tỷ đồng LNTT, hoàn thành 51% lợi nhuận dự báo cả năm của chúng tôi.

KQKD 6T2026 của MBB so với dự báo của SHS

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Q1.26	Q2.26	6T26	2026 F	6T26/2026F
Tăng trưởng tín dụng	3%	10%	13%	30%	43%
Tổng thu nhập hoạt động	17.430	20.435	37.865	83.194	46%
LNTT	9.628	10.560	20.188	39.957	51%

Tại mức giá đóng cửa ngày 19/08/2026, MBB được giao dịch ở mức P/B 1,35x, tương đương mức trung bình trong giai đoạn 2015-2026. P/B của MBB thấp hơn mức trung bình toàn ngành Ngân hàng (1,4x), dù hiệu quả sử dụng vốn thuộc nhóm dẫn đầu ngành. Trong 10 năm trở lại đây, ngưỡng trung bình trừ 1 độ lệch chuẩn thể hiện giá trị hỗ trợ tích cực đối với định giá của MBB.

Hệ số định giá P/B của MBB giai đoạn 2015-2026



PHỤ LỤC 1 - BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHỈ TIÊU LIÊN QUAN

Tỷ đồng	2023	2024	2025	2026F	Tỷ đồng	2023	2024	2025	2026F
Bảng Cân đối kế toán					Báo cáo KQKD				
Tiền & các khoản tương đương	3.675	3.349	4.966	7.003	Thu nhập lãi	69.143	69.062	89.088	118.154
Tiền gửi NHNN	66.322	29.825	68.494	48.034	Chi phí lãi	-30.459	-27.910	-37.478	-49.706
Tiền gửi & cho vay TCTD khác	46.344	76.786	182.924	187.983	Thu nhập lãi thuần	38.684	41.152	51.610	68.448
Chứng khoán kinh doanh	44.251	7.932	4.653	4.736	Thu từ dịch vụ	13.138	14.603	18.062	23.468
Cho vay khách hàng	599.579	765.048	1.070.869	1.391.751	Chi phí dịch vụ	-9.052	-10.234	-11.484	-16.448
Chứng khoán đầu tư	147.943	209.637	225.575	294.639	Lãi/lỗ thuần hoạt động dịch vụ	4.085	4.368	6.579	7.020
Góp vốn đầu tư dài hạn	616	609	468	1.199	Lãi/lỗ thuần từ ngoại hối và vàng	1.210	2.000	1.757	473
Tài sản cố định	4.854	5.430	5.617	5.987	Lãi/lỗ thuần từ CK kinh doanh	542	1.756	668	236
Tài sản khác	29.458	29.233	49.754	64.614	Lãi/lỗ thuần từ CK đầu tư	300	2.803	1.590	473
Tổng tài sản	944.974	1.128.801	1.615.764	2.008.498	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	2.428	3.281	5.314	6.384
Nợ CP & NHNN	9	8.156	47.475	61.717	Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	57	53	174	161
Tiền gửi & vay TCTD khác	99.810	110.170	248.017	273.452	Tổng thu nhập hoạt động	47.306	55.413	67.693	83.194
Tiền gửi KH	567.533	714.154	921.368	1.099.196	Chi phí hoạt động	-14.913	-17.007	-19.681	-24.188
Phát hành GTCG	126.463	128.964	187.236	310.030	LN thuần trước DP RRTD	32.393	38.406	48.012	59.006
Nợ khác	51.628	47.312	65.034	84.544	Chi phí DPRRTD	-6.087	-9.577	-13.744	-19.050
Tổng nợ phải trả	848.242	1.011.741	1.473.741	1.834.714	LNTT	26.306	28.829	34.268	39.957
Vốn của TCTD	53.010	54.368	81.854	101.992	Thuế TNDN	-5.252	-5.878	-6.885	-7.991
Vốn điều lệ	52.141	53.063	80.550	100.687	LNST	21.054	22.951	27.383	31.965
Thặng dư vốn cổ phần	869	1.304	1.304	1.304					
Quỹ của TCTD	12.194	14.997	19.391	23.907	Định giá				
Lợi nhuận giữ lại	25.560	40.718	32.577	39.887	EPS (VND)	3.966	4.265	3.325	3.105
Tổng VCSH	92.738	112.149	136.136	167.897	BVPS (VND)	17.786	21.135	16.901	16.675
Lợi ích CĐTS	3.973	4.911	5.886	5.886	PER	4,70	5,88	7,41	7,71
Tổng nguồn vốn	944.954	1.128.801	1.615.764	2.008.498	PBR	1,05	1,19	1,46	1,44
Tăng trưởng					Chất lượng tài sản				
Huy động	28,5%	21,5%	31,5%	27,1%	NPL	1,60%	1,62%	1,29%	1,45%
Tín dụng	28,0%	24,7%	36,7%	29,4%	LLCR	116,98%	92,25%	93,75%	85,51%
Tổng tài sản	29,7%	19,5%	43,1%	24,3%					
VCSH	22,1%	20,9%	21,4%	23,3%	Hiệu quả hoạt động				
NII	7,4%	6,4%	25,4%	32,6%	NIM	4,80%	4,08%	3,87%	3,90%
TOI	3,8%	17,1%	22,2%	22,9%	NOII/TOI	18,23%	25,74%	23,76%	17,72%
Chi phí hoạt động	0,7%	14,0%	15,7%	22,9%	ROA	2,47%	2,18%	1,95%	1,73%
LNTT	15,7%	9,6%	18,9%	16,6%	ROE	23,45%	21,18%	20,67%	19,80%
LNST	16,0%	9,0%	19,3%	16,7%	CIR	31,52%	30,69%	29,07%	29,07%

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ

Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 20% trở lên trong khoảng thời gian 12 tháng

Khả quan: Kỳ vọng tăng giá từ 10% - 20% trong khoảng thời gian 12 tháng

Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá đến 10% trong khoảng thời gian 12 tháng

Kém khả quan: Kỳ vọng giảm giá đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng

Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá 20% trở lên trong khoảng thời gian 12 tháng

Cần lưu ý: Đây là những mã cổ phiếu có những thông tin bất thường hay có giao dịch bất thường... có ảnh hưởng trọng yếu đến doanh nghiệp. (Mục tiêu cung cấp thông tin cho nhà đầu tư)

Không khuyến nghị: Bộ phận nghiên cứu đang hoặc sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do chủ quan hoặc chỉ để tuân thủ các qui định của luật và/hoặc chính sách công ty trong các trường hợp nhất định tránh các xung đột lợi ích, ví dụ như SHS đang thực hiện tư vấn chiến lược, IPO...

Chưa khuyến nghị: Khuyến nghị đầu tư và giá mục tiêu cho cổ phiếu không được đưa ra do chưa có đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không có hiệu lực đối với cổ phiếu này.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo. SHS không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg và FiinGroup.

MỌI THÔNG TIN XIN VUI LÒNG LIÊN HỆ

Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tòa nhà SHS, Số 43 Lý Thường Kiệt,
phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888

Fax: (84-24)-3818 1688

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô
Quyền, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888

Fax: (84-24)-3818 1688

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 2, Tòa nhà SHB Đà Nẵng, số 06
Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Thành
phố Đà Nẵng

Tel: (84-511)-352 5777

Fax: (84-511)-352 5779

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC, số 36 Bùi
Thị Xuân, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ
Chí Minh

Tel: (84-8)-3915 1368

Fax: (84-8)-3915 1369



SHS

Kiến tạo tài chính thịnh vượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)



Website: shs.com.vn



Tel: 1900 63 8588



Email: hotrokhachhang@shs.com.vn



GIAO DỊCH NGAY CÙNG SHS

App trading: SH Smart

Bảng giá: sboard.shs.com.vn

Web trading: shsmart.shs.com.vn